**Bài 5.**                    **CÁC NƯỚC CHÂU PHI VÀ MĨ LA-TINH**

**I. Các nước châu Phi**

**1. Vài nét về cuộc đấu tranh giành độc lập**

- Sau Chiến tranh thế giới thứ hai, nhất là từ những năm 50, phong trào đấu tranh giành độc lập ở châu Phi phát triển mạnh.

+ Mở đầu là cuộc nổi dây ở Ai Câp, Li Bi (1952) rồi lan hết ra khu vực Bắc Phi và các khu vực khác.

+ Năm 1960, 17 nước châu Phi giành độc lập → gọi là “Năm châu Phi”.

+ Năm 1975, Ăng-gô-la, Mô-dăm-bích lật đổ ách thống trị của Bồ Đào Nha, chủ nghĩa thực dân cũ ở châu Phi cơ bản bị tan rã.

+ Sau năm 1975, các thuộc địa còn lại hoàn thành cuộc đấu tranh chống chủ nghĩa thực dân cũ. Dim-ba-buê ra đời (1980), nước Cộng hòa Namibia ra đời (1990),

      - Tiêu biểu là cuộc đấu tranh xóa bỏ chế độ phân biệt chủng tộc ở Nam Phi.

+ Hiến pháp tháng11/1993 chính thức xoá bỏ chế độ phân biệt chủng tộc.

+ Tháng 4-1994, Nen-xơn Manđêla- lãnh tụ người da đen đã trở thành tổng thống của Cộng hòa Nam Phi, đánh dấu sự sụp đổ hoàn toàn của của nghĩa thực dân.

**2. Tình hình phát triển kinh tế-xã hội. (đọc thêm)**

**II. Các nước Mĩ La-tinh**

1. **Vài nét về quá trình đấu tranh giành và bảo vệ độc lập dân tộc**

- Từ đầu thế kỷ XIX, nhiều nước Mĩ La-tinh giành độc lập từ tay Tây Ban Nha và Bồ Đào Nha nhưng sau đó lại lệ thuộc vào Mĩ.

- ***Sau Chiến tranh thế giới II***, Mĩ biến Mĩ Latinh thành sân sau của mình và dựng lên các chế độ độc tài thân Mỹ. Cuộc đấu tranh chống chế độ độc tài thân Mĩ bùng nổ và phát triển. Tiêu biểu là thắng lợi của cách mạng Cu Ba dưới sự lãnh đạo của Phiđen Cáx-tơ-rô (1/1959).

- ***Từ các thập kỷ 60- 70.*** dưới ảnh hưởng của cách mạng Cuba, phong trào phát triển mạnh và thu được nhiều thắng lợi.

+ Hình thức đấu tranh phong phú. bãi công của công nhân, nổi dậy của nông dân, đấu tranh nghị trường, đấu tranh vũ trang diễn ra mạnh mẽ, biến Mĩ La-tinh thành “Lục địa bùng cháy” (tiêu biểu. Vê-nê-xuê-la, Goa-tê-ma-la, Pê-ru, Nicaragoa, chi-lê).

+ Kết quả. Chính quyền độc tài nhiều nước bị lật đổ, các chính phủ dân tộc dân chủ được thiết lập.

**2. Tình hình phát triển kinh tế-xã hội. (đọc thêm)**

**CÂU HỎI TRẮC NGHIỆM**

**Câu 1.** Thắng lợi của nhân dân Môdămbích và Ănggôla năm 1975 đã

**A.** đánh dấu sự thắng lợi hoàn toàn của phong trào giải phóng dân tộc.

**B.** đánh dấu sự thất bại của chủ nghĩa thực dân.

**C.** đánh dấu sự sụp đổ về căn bản của chủ nghĩa thực dân cũ.

**D.** đánh dấu sự kết thúc của chế độ phân biệt chủng tộc ở châu Phi.

**Câu 2.** Thắng lợi của cách mạng Cuba  năm 1959 có ý nghĩa

**A.** mở đầu phong trào đấu tranh chống chế độ độc tài thân Mĩ ở Mĩ Latinh.

**B.** đánh dấu bước phát triển mới của phong trào đấu tranh chống chế độ độc tài thân Mĩ ở Mĩ Latinh.

**C.** đánh dấu thắng lợi căn bản của phong trào đấu tranh chống chế độ độc tài thân Mĩ ở Mĩ Latinh.

**D.** đánh dấu thắng lợi hoàn toàn của phong trào đấu tranh chống chế độ độc tài thân Mĩ ở Mĩ Latinh.

**Câu 3.** Sự kiện Nenxơn Manđêla trở thành tổng thống người da đen đầu tiên của cộng hòa Nam Phi có ý nghĩa

**A.** mở đầu cuộc đấu tranh chống chế độ phân biệt chủng tộc ở Nam Phi.

**B.** chấm dứt chế độ phân biệt chủng tộc ở Nam Phi.

**C.** mở đầu cuộc đấu tranh chống chủ nghĩa thực dân cũ ở châu Phi.

**D.** đánh dấu bước phát triển của cuộc đấu tranh chống chủ nghĩa thực dân cũ ở Châu Phi.

**Câu 4.** Năm 1960 đã đi vào lịch sử với tên gọi là “Năm Châu Phi” vì đây là năm

**A.** mở đầu phong trào đấu tranh giành độc lập ở Châu phi.

**B.** phong trào đấu tranh giành độc lập ở Châu phi giành thắng lợi cơ bản.

**C.** có 17 nước tuyên bố độc lập.

**D.** phong trào đấu tranh giành độc lập ở Châu phi thắng lợi hoàn toàn.

**Câu 5.** Quốc gia nào được xem là lá cờ đầu trong phong trào giải phóng dân tộc ở Mĩ Latinh sau Chiến tranh thế giới thứ hai?

**A.** Nicaragoa. **B.** Cuba. **C.** Áchetina. **D.** Vênêxuêla.

**Câu 6.** Yếu tố khách quan làm cho phong trào đấu tranh giành độc lập ở Châu Phi phát triển mạnh và giành thắng lợi vào “Năm châu Phi” là

**A.** ảnh hưởng của phong trào đấu tranh giành độc lập ở Mĩ Latinh.

**B.** thắng lợi của cách mạng Trung Quốc năm 1949.

**C.** chiến thắng điện Biên Phủ ở Việt Nam năm 1954.

**D.** thắng lợi của cách mạng Cuba năm 1959.

**Câu 7.** Khác với châu Á và châu Phi, sau chiến tranh thế giới thứ hai các nước Mĩ Latinh

**A.** đều là thuộc địa của Tây Ban Nha.

**B.** là thuộc địa kiểu mới của Mĩ.

**C.** sớm giành độc lập vào đầu thế kỷ XX.

**D.** đấu tranh giành độc lập bằng con đường ngoại giao.

**Câu 8.** Phong trào giải phóng dân tộc ở Nam Phi có đặc điểm nổi bật là

**A.** chống lại chế độ phân biệt đẳng cấp.

**B.** chống lại chủ nghĩa thực dân kiểu cũ, giải phóng dân tộc.

**C.** chống lại chủ nghĩa thực dân kiểu mới, giải phóng dân tộc.

**D.** chống chế độ phân biệt chủng tộc, một biểu hiện của chủ nghĩa thực dân.

**Câu 9.** Sau Chiến tranh thế giới thứ hai, Mĩ Latinh được mệnh danh là "Lục địa bùng cháy" vì

**A.** núi lửa thường xuyên hoạt động

**B.** cao trào đấu tranh vũ trang bùng nổ mạnhmẽ

**C.** phong trào giải phóng dân tộc nổ ra dưới nhiều hìnhthức

**D**.phong trào chống chế độ độc tài thân Mĩ phát triển mạnh.

**Câu 10.** Sau Chiến tranh thế giới thứ hai, Mĩ Latinh trở thành “Lục địa bùng cháy” là do

**A.** cao trào đấu tranh vũ trang bùng nổ mạnh mẽ ở nhiều nước.

**B.** các cuộc bãi công của công nhân diễn ra liên tục.

**C.** phong trào nổi dậy của nông dân nổ ra ở nhiều nơi.

**D.** các cuộc đấu tranh nghị trường diễn ra vô cùng sôi nổi.

**Câu 11.** Sau Chiến tranh thế giới thứ hai, châu Phi được mệnh danh là “Lục địa mới trỗi dậy” vì

**A.** châu Phi là lá cờ đầu trong cuộc đấu tranh chống chủ nghĩa đế quốc, thực dân.

**B.** phong trào giải phóng dân tộc ở châu Phi phát triền mạnh và hầu hết các nước được độc lập.

**C.** phong trào giải phóng dân tộc ở châu Phi đã làm rung chuyển hệ thống thuộc địa của chủ nghĩa thực dân.

**D.** cơn bão táp cách mạng chống chủ nghĩa thực dân ở châu Phi bùng nổ.

**Câu 12.** Hình thức đấu tranh chủ yếu của châu Phi sau Chiến tranh thế giới thứ hai là

**A.** đấu tranh chính trị hợp pháp. **B.** đấu tranh vũ trang.

**C.** đấu tranh chính trị kết hợp vũ trang. **D.** đấu tranh bằng nhiều hình thức.

\*\*\*\*\*

**Chủ đề 1.**

**MĨ, TÂY ÂU, NHẬT BẢN SAU CHIẾN TRANH THẾ GIỚI THỨ HAI**

**(1945 – 2000)**

**I. Sự phát triển Kinh tế- khoa học kỹ thuật**

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| Nội dung | **Mĩ** | **Nhật Bản** | **Tây Âu** |
| Hoàn cảnh | Thuận lợi, không bị chiến tranh tàn phá | Bị chiến tranh tàn phá nặng nề, nghèo tài nguyên, thiếu lương thực, bị Mĩ chiếm đóng. | Bị chiến tranh tàn phá. |
| Giai đoạn khôi phục kinh tế | Không có giai đoạn khôi phục kinh tế | 1945-1952. khôi phục kinh tế. *Được Mĩ giúp* | 1945-1950. khôi phục kinh tế. *Được Mĩ giúp(*KH Mác san- KH Phục hưng châu Âu) |
| Giai đoạn kinh tế phát triền mạnh | 1945-1973    ⭢Khoảng 20 năm sau chiến tranh, Mĩ trở **thành trung tâm kinh tế - tài chính lớn nhất** thế giới. | 1952-1973.  kinh tế phát triển nhanh  1960-1973 phát triển “thần kỳ”.   - Vượt các nước Tây Âu, đứng thứ hai trong thế giới tư bản sau Mĩ.  ⭢Từ đầu những năm 70 trở đi, trở thành **một trong ba trung tâm kinh tế - tài chính**  lớn của thế giới | 1950-1973    ⭢ Đến giữa những năm 70, trở thành **một trong ba trung tâm kinh tế - tài chín**h thế giới |
| Giai đoạn khủng hoảng | 1973-1991. khủng hoảng, do tác động của cuộc khủng hoảng năng lượng→ khủng hoảng kinh tế thế giới | | |
| Giai đoạn khôi phục | 1991-2000 (học sinh đọc sách giáo khoa) | | |
| Nguyên nhân phát triển kinh tế | Nguyên nhân chung.  - Áp dụng hiệu quả các thành tựu khoa học - kĩ thuật hiện đại  - Vai trò điều tiết, quản lý của nhà nước | | |
| - Lãnh thổ rộng lớn, tài nguyên phong phú, nhân công dồi dào...  - Không bị chiến tranh tàn phá.  - Thu lợi nhuận từ bán vũ khí và phương tiện chiến tranh.  - Các công ty, tập đoàn tư bản lũng đoạn có sức sản xuất, cạnh tranh lớn, hiệu quả. | - Nhân tố con người →quyết định.  - Chi phí cho quốc phòng thấp.  - Các công ty, tập đoàn tư bản có sức sản xuất, cạnh tranh lớn  - *Tận dụng tốt các yếu tố bên ngoài để phát triển (viện trợ của Mĩ,* chiến tranh VN, Triều Tiên.) | - Hợp tác có hiệu quả trong khuôn khổ Cộng đồng châu Âu.  - *Tận dụng tốt nguồn các cơ hội bên ngoài. viện trợ của Mĩ,* nhập nguyên liệu rẻ từ thế giới thứ ba. |
| Khoa học -  kỹ thuật | - Mĩ là nước khởi đầu cuộc cách mạng khoa học kỹ thuật lần thứ hai.  - Thập niên 90 chiếm 1/3 số lượng bằng phát minh sáng chế của thế giới. | - Nhật Bản coi trọng giáo dục và khoa học- kĩ thuật  - Mua bằng phát minh sáng chế.  - Tập trung vào lĩnh vực dân dụng. | Trình độ phát triển khoa học kĩ thuật cao, hiện đại. |

**II. Chính sách đối ngoại.**

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| Nội dung | **Mĩ** | **Nhật Bản** | **Tây Âu** |
| 1945-1991 | Tổng thống Tơruman triển khai chiến lược toàn cầu với tham vọng làm bá chủ thế giới.  - Mục tiêu.  + Ngăn chặn, đẩy lùi, tiến tới xóa bỏ CNXH trên thế giới  + Đàn áp phong trào cách mạng thế giới.  + Khống chế, chi phối các nước đồng minh.  - Biện pháp.  + Khởi xướng cuộc Chiến tranh lạnh.  + Tiến hành nhiều cuộc bạo loạn, đảo chính và chiến tranh xâm lược. Việt Nam, Cu Ba, Trung Đông.  + Hòa hoãn với Liên Xô, thỏa hiệp với Trung Quốc nhằm chia rẽ phong trào cách mạng thế giới.  - Kết quả.  + Khống chế được các nước đồng minh.  + Góp phần làm sụp đổ CNXH ở Liên Xô và Đông Âu.  + Thất bại nặng nề trong nhiều cuộc chiến tranh ở. Cu Ba, Việt Nam…  - Tháng 12/1989, Mĩ và Liên Xô tuyên bố chấm dứt Chiến tranh lạnh. | - Nền tảng căn bản trong chính sách đối ngoại của Nhật là liên minh chặt chẽ với Mĩ. ký Hiệp ước an ninh Mĩ-Nhật (1951).  - Năm 1956, Nhật Bản bình thường hóa quan hệ ngoại giao với Liên Xô, gia nhập Liên hợp quốc.    - Sau chiến tranh lạnh, mở rộng quan hệ với Tây Âu, chú trọng quan hệ với các nước châu Á và Đông Nam Á, ASEAN. | **- 1945 – 1950.** Liên minh chặt chẽ với Mĩ. thành lập khối NATO;  Chiến tranh tái chiếm thuộc địa, nhưng thất bại;  Đối đầu với Liên Xô và các nước XHCN ở Đông Âu  **- 1950- 1973.**  + Một số nước tiếp tục liên minh với Mĩ. Tuy nhiên, quan hệ Mĩ -Tây Âu cũng đã diễn ra những trục trặc, nhất là quan hệ Pháp-Mĩ.  + Đa dạng hóa quan hệ đối ngoại, khẳng định ý thức độc lập.  **- 1973-1991.**  Quan hệ Đông –Tây Âu hòa dịu.  +Tháng 8-1975 định ước Henxinki về an ninh và hợp tác Châu Âu được ký kết.  + Năm 1989 bức tường Béc-lin bị xóa bỏ, nước Đức tái thống nhất (1990). |
| 1991-2000 | - Năm 1991,Tổng thống B.Clin-tơn thực hiện chiến lược “Cam kết và mở rộng” với 3 mục tiêu.  + Bảo đảm an ninh của Mĩ với lực lượng quân sự mạnh, sẵn sàng chiến đấu.  + Tăng cường khôi phục sức mạnh của nền kinh tế Mĩ.  + Sử dụng ngọn cờ “Thúc đẩy dân chủ” để can thiệp vào công việc nội bộ của các nước.  - Sau khi Chiến tranh lạnh kết thúc, Mĩ càng cố gắng thiết lập trật tự thế giới “đơn cực”, vươn lên chi phối, lãnh đạo thế giới, tuy nhiên còn gặp nhiều khó khăn.  -1995,bình thường hoá quan hệ với Việt Nam. | - Tiếp tục quan hệ với Mĩ,  - Coi trọng quan hệ với Tây Âu.  - Mở rộng hợp tác, nỗ lực vươn lên trở thành cường quốc chính trị để tương xứng với sức mạnh kinh tế. | Có điều chỉnh chính sách đối ngoại.  - Thay đổi tích cực. Anh vẫn liên minh chặt chẽ với Mĩ. Pháp, Đức đối trọng với Mĩ.  **-** Mở rộng quan hệ với các nước đang phát triển ở châu Á, châu Phi, Mỹ Latinh, các nước Đông Âu và các nước SNG. |

**III. Liên minh châu Âu (EU)**

**1. Sự thành lập**

- Ngày 18/4/1951, sáu nước. Pháp, Tây Đức, Bỉ, I-ta-li-a, Hà Lan, Lúc-xăm-bua  thành lập “Cộng đồng than – thép châu Âu” (ECSC).

- Ngày 25/3/1957, sáu nước trên thành lập “Cộng đồng năng lượng nguyên tử Châu Âu” và “Cộng đồng kinh tế châu Âu” (EEC)

- Ngày 1/7/1967, ba tổ chức trên hợp nhất thành “Cộng đồng châu Âu” (EC).

- Từ ngày 1/1/1993, đổi tên là Liên minh châu Âu (EU) với 15 nước thành viên.

- Năm 2007 là 27 nước.

**2. Mục tiêu**

 Hợp tác liên minh giữa các thành viên về kinh tế, chính trị, đối ngoại và an ninh.

**3. Hoạt động**

- Tháng 6/1979, bầu cử nghị viện châu Âu đầu tiên.

- Tháng 3/1995. 7 nước Tây Âu bỏ kiểm soát đi lại qua biên giới đối với công dân.

- Ngày 1/1/1999 phát hành tiền chung Châu Âu (EURO).

- Tháng 1/2002 đồng EURO chính thức được sử dụng ở nhiều nước EU.

**3. Vai trò (thành tựu)**

Ngày nay, EU là tổ chức liên kết khu vực về kinh tế, chính trị lớn nhất hành tinh, chiếm hơn 1/4 GDP của thế giới.

**CÂU HỎI TRẮC NGHIỆM**

**Câu 1.** Tổng thống Truman khẳng định trước Quốc hội Mĩ, nguy cơ lớn đối với nước Mĩ là gì (năm 1947)?

**A.** Ảnh hưởng của XHCN. **B.** Sự tồn tại của Liên Xô.

**C.** Hi Lạp và Thổ Nhĩ kì. **D.** Sự tồn tại của các nước XHCN.

**Câu 2.** Khoa học – kỹ thuật và công nghệ Nhật Bản chủ yếu tập trung trong lĩnh vực

**A.** công nghiệp quốc phòng. **B.** công nghiệp vũ trụ.

**C.** công nghiệp dân dụng. **D.** công nghệ hạt nhân.

**Câu 3.** Năm 1951, “Cộng đồng than - thép châu Âu” (ECSC) ra đời gồm 6 nước là

**A.** Anh , Pháp, CHLB Đức, Italia, , Hà Lan, Lúcxămbua.

**B.** Pháp, CHLB Đức, Italia, Áo, Hà Lan, Lúcxămbua.

**C.** Pháp, CHLB Đức, Italia, Bỉ, Hà Lan, Lúcxămbua.

**D.** Pháp, CHLB Đức, Italia, Hà Lan, Lúcxămbua,Tây Ban Nha.

**Câu 4.** Từ đầu những năm 70 của thế kỷ XX, thế giới xuất hiện ba trung tâm kinh tế - tài chính lớn là

**A.** Mĩ - Nhật - Trung Quốc. **B.** Mĩ - Nhật - Liên bang Nga.

**C.** Mĩ - Nhật – Tây Âu. **D.** Mĩ - Tây Âu - Trung Quốc.

**Câu 5.** Cơ sở để Mĩ triển khai chiến lược toàn cầu, thực hiện tham vọng làm bá chủ thế giới sau chiến tranh thế giới thứ hai là

**A.** sự suy yếu của các nước tư bản châu Âu và Liên Xô.

**B.** sự ủng hộ của các nước đồng minh.

**C.** tiềm lực kinh tế và quân sự to lớn của Mĩ.

**D.** phong trào cách mạng thế giới lắng xuống.

**Câu 6.** Nội dung nào sau đây **không** phải là mục tiêu trong chiến lược toàn cầu của Mĩ?

**A.** Làm bá chủ toàn cầu.

**B.** Tiêu diệt Liên Xô và phe xã hội chủ nghĩa.

**C.** Khống chế các nước tư bản đồng minh.

**D.** Giúp đỡ các nước tư bản và các nước khác.

**Câu 7.** Thập niên 70 của thế kỉ XX nền kinh tế Mĩ suy thoái nghiêm trọng do

**A.** các nước Nhật Bản, Tây Âu cạnh tranh với Mĩ.

**B.** tác động của cuộc khủng hoảng năng lượng thế giới.

**C.** các nước đồng minh không có khả năng trả nợ cho Mĩ.

**D.** các nước Mĩ Latinh giành được độc lập nên không còn là thị trường tiêu thụ của Mĩ.

**Câu 8.** Nội dung nào sau đây **không** phải là mục tiêu trong chiến lược “Cam kết và mở rộng” của Mĩ?

**A.** Bảo đảm an ninh của Mĩ với lực lượng quân sự mạnh, sẵn sàng chiến đấu.

**B.** Tăng cường khôi phục sức mạnh của nền kinh tế Mĩ.

**C.** Ngăn chặn, đẩy lùi tiến tới xóa bỏ chủ nghĩa xã hội trên thế giới.

**D.** Sử dụng ngọn cờ “Thúc đẩy dân chủ” để can thiệp vào công việc nội bộ của các nước.

**Câu 9.** Nhân tố khách quan giúp kinh tế Tây Âu phục hồi vào năm 1950 là

**A.** áp dụng hiệu quả các thành tựu khoa học - kĩ thuật hiện đại.

**B.** hợp tác có hiệu quả trong khuôn khổ Cộng đồng châu Âu.

**C.** tận dụng tốt nguồn viện trợ của viện trợ của Mĩ.

**D.** nhập nguyên liệu từ thế giới thứ ba với giá rẻ.

**Câu 10.** Mĩ thực hiện “Kế hoạch Mácsan”, viện trợ kinh tế cho các nước Tây Âu vì

**A.** Mĩ muốn giúp các nước Tây Âu khôi phục kinh tế sau chiến tranh.

**B.** Mĩ muốn lôi kéo các nước Tây Âu vào liên minh chống Liên Xô và Đông Âu.

**C.** Mĩ muốn mở rộng thị trường sang Tây Âu.

**D.** Mĩ muốn tăng cường sức mạnh cho phe tư bản chủ nghĩa.

**Câu 11.** Nguyên nhân khách quan dẫn đến quá trình liên kết ở Tây Âu từ những năm 50 của thế kỷ XX là

**A.** Tây Âu muốn thoát khỏi sự khống chế của Mĩ.

**B.** Tây Âu bị cạnh tranh quyết liệt bởi Mĩ và Nhật Bản.

**C.** Liên Xô và các nước XHCN liên kết chặt chẽ cạnh tranh với Tây Âu.

**D.** Tây Âu muốn hợp tác liên minh để phát triển kinh tế.

**Câu 12.** Nội dung nào **không** phải là nguyên nhân khiến kinh tế các nước Tây Âu phát triển nhanh trong những năm 1950 – 1973 là

**A.** áp dụng thành công những thành tựu khoa học - kĩ thuật hiện đại.

**B.** vai trò điều tiết, quản lý của nhà nước.

**C.** chi phí cho quốc phòng thấp, nên có điều kiện tập trung đầu tư cho kinh tế.

**D.** tận dụng tốt các cơ hội từ bên ngoài để phát triển.

**Câu 13.** Nhật Bản kí hiệp ước đồng ý cho Mĩ đóng quân và xây dựng căn cứ quân sự trên lãnh thổ của mình là nhằm

**A.** tạo liên minh chống ảnh hưởng của Liên Xô.

**B.** tạo liên minh chống ảnh hưởng  của Trung Quốc.

**C.** tranh thủ nguồn viện trợ của Mĩ và giảm chi phí quốc phòng.

**D.** tạo điều kiện thuận lợi cho công cuộc cải cách dân chủ.

**Câu14.** Mục tiêu của Liên minh Châu Âu (EU) là

**A.** liên minh về kinh tế, tiền tệ, chính trị, đối ngoại và an ninh.

**B.** liên minh về kinh tế, văn hoá, khoa học kỹ thuật.

**C.** liên minh về kinh tế, tiền tệ, khoa học kỹ thuật.

**D.** duy trì hoà bình an ninh khu vực.

**Câu 15.** Nhận xét chung về chính sách đối ngoại của Mĩ qua các đời Tổng thống từ năm 1945 đến năm 2000 là

**A.** hình thức thực hiện khác nhau, nhưng có cùng tham vọng muốn làm bá chủ thế giới.

**B.** tiến hành chạy đua vũ trang và chống lại các nước xã hội chủ nghĩa.

**C.** đàn áp phong trào giải phóng dân tộc và khống chế các nước đồng minh.

**D.** tiến hành chiến tranh xâm lược và chống lại chủ nghĩa khủng bố.

**Câu 16.** Vì sao năm 1972 Mĩ thiết lập quan hệ ngoại giao với Trung Quốc và Liên Xô?

**A.** Mĩ muốn bình thường hóa mối quan hệ với Trung Quốc và Liên Xô.

**B.** Mĩ muốn hòa hoãn với Trung Quốc và Liên Xô để chống lại phong trào giải phóng dân tộc.

**C.** Mĩ muốn thay đổi chính sách đối ngoại với các nước xã hội chủ nghĩa.

**D.** Mĩ muốn mở rộng các nước đồng minh để chống lại các nước thuộc địa.

**Câu 17.** Sau chiến tranh thế giới thứ hai, Mĩ sử dụng biện pháp chủ yếu nào để can thiệp vào công việc nội bộ của nước khác?

**A.** Dùng vũ lực để can thiệp vào tình hình các nước.

**B.** Dùng khẩu hiệu thúc đẩy dân chủ.

**C.** Sử dụng tiền đầu tư đồng thời gây sức ép.

**D.** Xem đồng minh là công cụ để thực hiện chiến lược toàn cầu.

**Câu 18.** Trong "Chiến lược cam kết và mở rộng" (từ thập niên 90 của thế kỷ XX), Mĩ sử dụng "Chiêu bài" gì để can thiệp vào công việc nội bộ của các nước khác?

**A.** tự do tín ngưỡng. **B.** ủng hộ độc lập dân tộc.

**C.** thúc đẩy dân chủ. **D.** chống chủ nghĩa khủng bố.

**Câu 19.** Vì sao từ những năm 70 trở đi, mối quan hệ giữa Mĩ và Liên Xô chuyển sang đối thoại và hòa hoãn?

**A.** Cô lập phong trào giải phóng dân tộc.

**B.** Địa vị kinh tế, chính trị của Mĩ và Liên Xô suy giảm.

**C.** Kinh tế của Tây Âu và Nhật Bản vươn lên.

**D.** Mĩ chấm dứt các cuộc chạy đua vũ trang.

**Câu 20.** Cộng đồng châu Âu (EC) chuyển thành liên minh châu Âu (EU) bắt đầu từ sự kiện các nước thành viên EC kí

**A.** Hiệp ước Roma. **B.** Hiệp ước Maxtrich.

**C.** Hiệp định Pari. **D.** Định ước Henxinki.

**Câu 21.** Liên minh châu Âu (EU) ra đời nhằm hợp tác liên minh giữa các nước thành viên trong các lĩnh vực

**A.** kinh tế, tiền tệ, thương mại. **B.** kinh tế,tài chính, đối ngoại, quân sự.

**C.** kinh tế, an ninh, đối ngoại, ngân hàng. **D.** kinh tế, tiền tệ, chính trị, đối ngoại, an ninh.

**Câu 22.** Mĩ triển khai Chiến lược Toàn cầu, thực hiện tham vọng làm bá củ thế giới dựa trên cơ sở nào?

**A.** Sự suy yếu của các nước tư bản Tây Âu và Liên Xô.

**B.** Sự ủng hộ của các nước đồng minh của Mĩ.

**C.** Tiềm lực kinh tế và quân sự to lớn của Mĩ.

**D.** Phong trào giải phóng dân tộc tạm lắng xuống.

**Câu 23.** Nội dung nào không phải mục tiêu của chiến “lược toàn cầu” của Mĩ?

**A.** Ngăn chặn, tiến tới xóa bỏ CNXH trên thế giới.

**B.** Đàn áp phong trào cách mạng thế giới.

**C.** Tăng cường khôi phục sức mạnh của nền kinh tế Mĩ.

**D.** Khống chế, chi phối các nước đồng minh.

**Câu 24.** Nguyên nhân khách quan nào giúp kinh tế Tây Âu phục hồi sau chiến tranh thế giới thứ hai?

**A.** Áp dụng hiệu quả các thành tựu khoa học - kĩ thuật hiện đại.

**B.** Vai trò điều tiết, quản lý của nhà nước.

**C.** Sự viện trợ của Mĩ qua Kế hoạch Mácsan.

**D.** Các công ty, tập đoàn tư bản có sức sản xuất, cạnh tranh lớn.

**Câu 25.** Nguyên nhân cơ bản thúc đẩy nền kinh tế các nước Mĩ, Nhật Bản, Tây Âu phát triển là

**A.** áp dụng những thành tựu KHKT hiện đại vào trong sản xuất .

**B.** vai trò điều tiết, quản lý của nhà nước.

**C.** tận dụng tốt nguồn các cơ hội bên ngoài.

**D.** các công ty, tập đoàn tư bản có sức sản xuất, cạnh tranh lớn.

**Câu 26.** Biểu hiện rõ nhất sự phát triển “thần kì” của Nhật Bản trong những năm 1960 – 1973 là

**A.** tốc độ tăng trưởng bình quân hàng năm của Nhật cao nhất thế giới.

**B.** thu nhập bình quân đầu người cao nhất thế giới.

**C.** tỉ lệ mù chữ và thất nghiệp thấp nhất thế giới.

**D.** vươn lên hàng thứ hai trong thế giới tư bản (sau Mĩ).

**Câu 27.** Để rút ngắn khoảng cách về sự phát triển KHKT với các nước tư bản khác, Nhật Bản đã

**A.** đầu tư nhiều cho các trung tâm nghiên cứu và ứng dụng.

**B.** cử sinh viên học tập và nghiên cứu ở nước ngoài.

**C.** mua bằng phát minh sáng chế và chuyển giao công nghệ.

**D.** coi trọng các môn khoa học tự nhiên và công nghệ ở trường phổ thông.

**Câu 28.** Nhân tố chủ quan hàng đầu đưa đến sự phát triển kinh tế Nhật Bản là

**A.** truyền thống lao động sáng tạo, cần cù, tiết kiệm của người dân Nhật.

**B.** trình độ quản lí vĩ mô của nhà nước Nhật.

**C.** sự năng động của và tầm nhìn xa của các công ty Nhật.

**D.** sự ứng dụng thành công các thành tựu khoa học kĩ thuật vào sản xuất.

**Câu 29.** Văn kiện đặt nền tảng cho quan hệ Mĩ – Nhật sau Chiến tranh thế giới thứ hai là

**A.** văn kiện về vấn đề Nhật Bản tại Hội nghị Pôtxđam năm 1945.

**B.** Hiến pháp Nhật Bản năm 1947.

**C.** Hiệp ước hòa bình Xan Phranxixcô năm 1951.

**D.** Hiệp ước an ninh Mĩ – Nhật năm 1951.

**Câu 30.** Nền tảng chính sách đối ngoại của Nhật Bản từ năm 1951 đến năm 2000 là

**A.** Liên minh chặt chẽ với Mĩ. **B.** Hướng về các nước châu Á.

**C.** Hướng mạnh về Đông Nam Á. **D.** Cải thiện quan hệ với Liên Xô.

**Câu 31.** Sau Chiến tranh thế giới thứ hai Nhật có khó khăn gì mà các nước tư bản đồng minh khác không có?

**A.** Bị chiến tranh tàn phá nặng nề. **B.** nghèo tài nguyên, thiếu lương thực.

**C.** bị các nước đế quốc bao vây kinh tế. **D.** Là nước bại trận, bị mất hết thuộc địa.

**Câu 32.** Sau Chiến tranh thế giới thứ hai Nhật đẩy nhanh sự phát triển của khoa học kỹ thuật bằng cách

**A.** đầu tư nghiên cứu công nghệ mới.

**B.** mua bằng phát minh sáng chế.

**C.** mời các nhà khoa học giỏi đến Nhật làm việc.

**D.** trọng dụng nhân tài.

\*\*\*\*\*

**Chương V.                      QUAN HỆ QUỐC TẾ (1945-2000)**

**Bài 9.  QUAN HỆ QUỐC TẾ TRONG VÀ SAU THỜI KỲ CHIẾN TRANH LẠNH**

**I. Mâu thuẫn Đông – Tây và sự khởi đầu của “chiến tranh lạnh”**

**1. Mâu thuẫn Đông- Tây**

-Từ liên minh chống phát xít, sau chiến tranh thế giới thứ hai, hai cường quốc Liên Xô và Mĩ nhanh chóng chuyển sang thế đối đầu và đi tới tình trạng chiến tranh lạnh.

- Nguồn gốc của mâu thuẫn Đông – Tây (nguyên nhân).

+ Do sự đối lập về mục tiêu và chiến lược giữa hai cường quốc.

**•** Liên Xô. chủ trương duy trì hòa bình an ninh thế giới, đẩy mạnh phong trào cách mạng thế giới, bảo vệ thành quả của CNXH.

**•** Mĩ. chống phá Liên Xô và các nước XHCN, đàn áp phong trào cách mạng thế giới nhằm thực hiện mưu đồ bá chủ thế giới.

+ Mĩ hết sức lo ngại trước sự lớn mạnh của hệ thống XHCN.

+ Sau chiến tranh, Mĩ trở thành nước tư bản giàu mạnh nhất, độc quyền vũ khí nguyên tử, Mĩ tự cho mình quyền lãnh đạo thế giới.

**2. Sự khởi đầu của chiến tranh lạnh**

\* Chiến tranh lạnh là chính sách thù địch, căng thẳng trong quan hệ giữa Mĩ và các nước phương Tây với Liên Xô và các nước XHCN.

\* Những sự kiện dẫn tới chiến tranh lạnh.

- Hành động của Mĩ.

+ Tháng 3-1947, Mĩ công bố*Học thuyết Tru-man*khẳng định. sự tồn tại của Liên Xô là nguy cơ lớn đối với Mĩ → công khai phát động chiến tranh lạnh chống Liên xô và các  nước XHCN.

+ Tháng 6/1947, Mĩ thực hiện*Kế hoạch Mácsan*, giúp Tây Âu phục hồi kinh tế nhằm lôi kéo các nước này vào liên minh quân sự chống Liên Xô và Đông Âu.

→ Tạo ra sự đối lập về kinh tế, chính trị giữa các nước Đông Âu và Tây Âu

+ Năm 1949, Mĩ thành lập*Tổ chức Hiệp ước Bắc Đại Tây Dương (NATO),* là liên minh quân sự lớn nhất của các nước tư bản phương Tây do Mĩ cầm đầu, nhằm  chống Liên Xô và các nước XHCN Đông Âu.

-  Liên Xô đối phó với Mĩ.

+ Tháng 1/1949, Liên Xô và các nước Đông Âu thành lập *Hội đồng tương trợ kinh tế* nhằm hợp tác giúp đỡ nhau về kinh tế.

+ Tháng 5/1955, Liên Xô và các nước Đông Âu thành lập *Tổ chức Hiệp ước Vácsava,* là liên minh chính trị - quân sự mang tính chất phòng thủ của các nước XHCN ở châu Âu.

🡪Sự thành lập khối NATO và Tổ chức Hiệp ước Vác-sa-va đã đánh dấu cục diện hai cực, hai phe được xác lập. Chiến tranh lạnh bao trùm khắp thế giới.

**II. Sự đối đầu Đông – Tây và các cuộc chiến tranh cục bộ.** giảm tải

**III. Xu thế hòa hoãn Đông – Tây và “chiến tranh lạnh” chấm dứt**

- Từ đầu những năm 70 của thế kỉ XX, xu hướng hòa hoãn Đông- Tây đã xuất hiện với những biểu hiện.

+ Các cuộc gặp gỡ, thương lượng Xô- Mĩ.

+ Ngày 9/11/1972, *Hiệp định về những cơ sở của quan hệ giữa Đông Đức và Tây Đức* được ký kết.

+ Năm 1972, Liên Xô và Mĩ kí *Hiệp ước về việc hạn chế hệ thống phòng chống tên lửa* (ABM), *Hiệp định hạn chế vũ khí tiến công chiến lược* (SALT-1).

+ Tháng 8/1975, 33 nước châu Âu  cùng Mĩ và Canada ký *Định ước Hen-xin-ki* tạo cơ chế giải quyết các vấn đề hòa bình an ninh ở châu Âu.

+ Từ đầu những năm 70, Mĩ và Liên Xô có nhiều cuộc gặp gỡ cấp cao, nhất là từ 1985, đã kí kết nhiều văn kiện về hợp tác kinh tế và Khoa học- kỹ thuật, hạn chế chạy đua vũ trang.

+ Tháng 12/1989, tại đảo Man-ta, tổng thống Mĩ G. Busơ (cha) và tổng thống Liên Xô   M. Goócbachốp tuyên bố chấm dứt chiến tranh lạnh.

- Ý nghĩa: mở ra những chiều hướng và những điều kiện để giải quyết những tranh chấp và xung đột ở nhiều quốc gia, khu vực trên thế giới.

- Nguyên nhân chấm dứt chiến tranh lạnh.

+ Do hai siêu cường  Liên Xô và Mĩ đã quá tốn kém trong cuộc chạy đua vũ trang kéo dài tới hơn bốn thập kỷ, đặc biệt là Liên Xô ngày càng khủng hoảng, trì trệ.

+ Nhật Bản và các nước Tây Âu vươn lên mạnh mẽ, trở thành đối thủ cạnh tranh gay gắt với Mĩ và Liên Xô.

+ Mĩ và Liên Xô muốn thoát khỏi thế đối đầu để ổn định và củng cố vị thế của mình.

**III. Thế giới sau “chiến tranh lạnh”**

**- Sự sụp đổ của trật tự hai cực Ianta.**

+ Từ năm 1989-1991, chế độ XHCN tan rã ở Liên Xô và Đông Âu.

+ Tháng 6/1991 Hội đồng tương trợ kinh tế (SEV) giải thể, tháng 7/1991 Tổ chức Hiệp ước Vácsava ngưng hoạt động.

🡪 Với **“**cực**”** Liên Xô tan rã, hệ thống XHCN không còn tồn tại, trật tự hai cực Ianta sụp đổ, Mĩ là cực duy nhất còn lại.

**- Từ sau 1991, thế giới diễn ra nhiều thay đổi to lớn và phát triển theo các xu thế.**

+ Một là trật tự thế giới mới đang hình thành  theo xu hướng đa cực với sự vươn lên của Mĩ, Liên minh Châu Âu, Nhật Bản, Nga và Trung Quốc.

+ Hai là Các quốc gia đều điều chỉnh chiến lược phát triển, tập trung vào phát triển kinh tế.

+ Ba là Mĩ đang ra sức thiết lập một trật tự thế giới **“**đơn cực**”** do Mĩ lãnh đạo, nhưng Mĩ không dễ dàng thực hiện những tham vọng đó.

+ Bốn là sau Chiến tranh lạnh, hòa bình thế giới được củng cố, nhưng xung đột, tranh chấp và nội chiến lại xảy ra ở nhiều khu vực.

        - Sang thế kỷ XXI, xu thế chính trong quan hệ quốc tế là. hòa bình,  hợp tác và phát triển. Tuy nhiên, vụ khủng bố ngày 11/9/2001 ở Mĩ đã đặt các quốc gia trước những khó khăn, thách thức to lớn của chủ nghĩa khủng bố.

**CÂU HỎI TRẮC NGHIỆM**

**Câu 1.** Sự kiện đánh dấu cục diện hai cực, hai phe trên thế giới được xác lập sau Chiến tranh thế giới thứ hai là

**A.** Liên xô chế tạo thành công bom nguyên tử (1949).

**B.** thống Mĩ  Truman phát động chiến tranh lạnh chống Liên Xô và các nước xã hội chủ nghĩa (3-1947).

**C.** sự ra đời kế hoạch Mácsan và Hội đồng tương trợ kinh tế.

**D.** sự ra đời của khối NATO và tổ chức Hiệp ước Vácsava.

**Câu 2.** Sự kiện khởi đầu gây nên cuộc Chiến tranh lạnh là

**A.** sự ra đời của “Học thuyết Truman”.

**B.** sự ra đời của “Kế hoạch Mácsan”.

**C.** sự ra đời của tổ chức Hiệp ước Bắc Đại Tây Dương (NATO).

**D.** sự ra đời của tổ chức Hiệp ước Vácsava.

**Câu 3.** Để thực hiện mưu đồ làm bá chủ thế giới, trước hết Mĩ lo ngại đến vấn đề gì?

**A.** Ảnh hưởng của Liên Xô cùng những thắng lợi của cuộc cách mạng dân chủ nhân dân các nước Đông Âu.

**B.** Sự chống đối của các nước tư bản đồng minh.

**C.** Những hậu quả nặng nề của chiến tranh thế giới thứ hai.

**D.** Chạy đua vũ trang quá tốn kém.

**Câu 4.** Sự kiện nào chứng tỏ tâm điểm đối đầu giữa 2 cực Xô-Mĩ ở châu Âu?

**A.** Sự ra đời của “kế hoạch Mácsan”, Mĩ viện trợ cho các nước Tây Âu khôi phục kinh tế.

**B.** Sự ra đời của “ Hội đồng tương trợ kinh tế” thúc đẩy sự phát triển kinh tế các nước xã hội chủ nghĩa.

**C.** Sự ra đời của “ Tổ chức Hiệp ước Vascsava” giữ gìn hòa bình, an ninh châu Âu và thế giới.

**D.** Sự hình thành hai nhà nước trên lãnh thổ Đức với hai chế độ chính trị khác nhau.

**Câu 5.** Chiến tranh lạnh chấm dứt có tác động thế nào đến tình hình thế giới?

**A.** Nhiều cuộc xung đột, tranh chấp được giải quyết bằng thương lượng hòa bình.

**B.** Hội đồng tương trợ kinh tế tuyên bố giải thể.

**C.** Phạm vi của Mĩ và Liên Xô đều bị thu hẹp.

**D.** Cuộc đua tranh giữa các cường quốc nhằm thiết lập trật tự thế giới “đa cực” đang diễn ra mạnh mẽ.

**Câu 6.** Tổ chức Hiệp ước Vácsava mang tính chất gì?

**A.** Một tổ chức liên minh phòng thủ về chính trị và quân sự của các nước xã hội chủ nghĩa ở Châu Âu

**B.** Một tổ chức liên minh chính trị của các nước xã hội chủ nghĩa ở Châu Âu

**C.** Một tổ chức liên minh phòng thủ về quân sự của các nước xã hội chủ nghĩa ở Châu Âu

**D.** Một tổ chức kinh tế của các nước xã hội chủ nghĩa ở Châu Âu

**Câu 7.** Chiến lược phát triển của quốc gia, dân tộc trên thế giới hiện nay là

**A.** lấy phát triển kinh tế làm trọng điểm.

**B.** tập trung xây dựng lực lượng quân sự hùng mạnh.

**C.** đối thoại, hợp tác; tránh xung đột sắc tộc và tong giáo.

**D.** giữ gìn văn hoá truyền thống.

**Câu 8.** Nội dung chính của Kế hoạch Mác-san gồm

**A.** Mĩ viện trợ cho các nước Đông Âu 17 tỉ USD khôi phục kinh tế để lôi kéo các nước này, nhằm bao vây, cô lập Liên Xô.

**B.** Mĩ tìm cách khống chế các nước Tây Âu bằng sức mạnh quân sự của mình.

**C.** Mĩ viện trợ giúp các nước Đông Âu khôi phục kinh tế, nhằm phát triển CNTB khắp châu Âu.

**D.** Mĩ viện trợ 17 tỉ USD giúp các nước Tây Âu khôi phục kinh tế nhằm tập hợp các nước này vào một liên minh quân sự chống Liên Xô và Đông Âu.

**Câu 9.** Sự khác biệt cơ bản giữa “chiến tranh lạnh” và những cuộc chiến tranh thế giới đã qua là

**A.** Chiến tranh lạnh chỉ diễn ra chủ yếu giữa hai nước Liên Xô và Mĩ.

**B.** Chiến tranh lạnh làm cho thế giới luôn trong tình trạng chiến tranh hạt nhân.

**C.** Chiến tranh lạnh diễn ra trên mọi lĩnh vực kinh tế, chính trị, văn hóa, quân sự nhưng không xung đột trực tiếp bằng quân sự.

**D.** Chiến tranh lạnh diễn ra dai dẳng, giằng co và không phân thắng bại.

**Câu 10.** Một trong những nguyên nhân dẫn đến việc Liên Xô và Mĩ tuyên bố chấm dứt “chiến tranh lạnh” là

**A.** cuộc chạy đua vũ trang đã làm cho 2 nước tốn kém và suy giảm “thế mạnh” trên nhiều mặt.

**B.** cuộc khủng hoảng dầu mỏ năm 1973 đã làm kinh tế Mĩ suy thoái không thế phục hồi.

**C.** Liên Xô bị Trung Quốc vượt lên trên trong phe XHCN, vì thế cần hòa hoãn với Mĩ để đối phó với Trung Quốc.

**D.** Tây Âu và Nhật Bản muốn nhân cơ hội Xô – Mĩ đối đầu vươn lên thiết lập một trật tự thế giới mới.

**Câu 11.** Thế giới sau chiến tranh lạnh phát triển theo hướng

**A.** đơn cực **B.** hai cực. **C.** đa cực **D.** phụ thuộc Mĩ.

**Câu 12.** Tổ chức NATO được thành lập sau Chiến tranh thế giới thứ hai nhằm mục đích gì?

**A.** Liên minh kinh tế các nước TBCN.

**B.** Liên minh an ninh đối ngoại của Mĩ và Tây Âu.

**C.** Liên minh quân sự của các nước tư bản nhằm chống Liên Xô và các nước XHCN.

**D.** Liên minh văn hóa, giáo dục của Mĩ và Tây Âu.

**Câu 13.** Hậu quả nặng nề, nghiêm trọng nhất mang lại cho thế giới trong suốt thời gian cuộc chiến tranh lạnh là

**A.** các nước ráo riết, tăng cường chạy đua vũ trang.

**B.** thế giới luôn ở trong tình trạng căng thẳng, đối đầu, nguy cơ bùng nổ chiến tranh thế giới.

**C.** hàng ngàn căn cứ quân sự được thiết lập trên toàn cầu.

**D.** các nước phải chi một khối lượng khổng lồ về tiền của và sức người để sản xuất các loại vũ khí hủy diệt.

**Câu 14.** Cuộc chiến tranh lạnh kết thúc đánh dấu bằng sự kiện

**A.** Hiệp ước về hạn chế hệ thống phòng chống tên lửa (ABM ) năm 1972.

**B.** Định ước Henxinki năm 1975.

**C.** cuộc gặp gỡ giữa Busơ và Goocbachốp tại đảo Manta (12/1989).

**D.** Hiệp định về một giải pháp toàn diện cho vấn đề Campuchia (10/1991).

**Câu 15.** Nhân tố chủ yếu, tác động và chi phối các quan hệ quốc tế trong hơn 4 thập kỉ của nửa sau thế kỉ XX  là

**A**.sự hình  thành  hệ thống  xã hội chủ nghĩa.

**B.** sự ra đời của khối  NATO.

**C.** "Chiến tranh lạnh".

**D.** phong trào giải phóng  dân tộc ở nhiều  nước trên thế giới  diễn  ra mạnh mẽ.

**Câu 16.** Sau Chiến tranh thế giới thứ hai, Liên Xô và Mĩ đối đầu căng thẳng là do

**A.** cả 2 nước đều muốn làm bá chủ thế giới.

**B.** Liên Xô và Mĩ đối lập nhau về mục tiêu và chiến lược phát triển.

**C.** Liên Xô làm sụp đổ hệ thống thuộc địa của Mĩ.

**D.** Mĩ nắm độc quyền bom nguyên tử.

**Câu 17.** Mục đích chính trị của Kế hoạch Macsan (1947) do Mĩ thực hiện nhằm

**A.** giúp các nước Tây Âu khôi phục kinh tế sau chiến tranh.

**B.** lôi kéo và khống chế Tây Âu làm đồng minh chống Liên Xô và các nước XHCN.

**C.** tấn công Liên Xô và Đông Âu từ phía tây.

**D.** chia cắt châu Âu làm 2 phe, làm cho châu Âu suy yếu.

**Câu 18.** Sự kiện nào dẫn đến sự tan vỡ mối quan hệ Đồng minh phát xít giữa Liên Xô và Mĩ?

**A.** Sự hình thành hệ thống XHCN sau Chiến tranh thế giới thứ hai.

**B.** Sự ra đời của “Chủ nghĩa Tơ-ru-man” và “chiến tranh lạnh” (3-1947).

**C.** Việc Liên Xô chế tạo thành công bom nguyên tử (1949).

**D.** Sự ra đời của khối NATO (9-1949).

**Câu 19.** Vì sao Xô – Mĩ tuyên bố chấm dứt Chiến tranh lạnh?

**A.** Hai cường quốc suy giảm “thế mạnh” trong sự vươn lên mạnh mẽ của Nhật Bản và Tây Âu.

**B.** Những cuộc chạy đua vũ trang làm hai cường quốc suy giảm về kinh tế.

**C.** Sự can thiệp mạnh mẽ từ các cường quốc khác.

**D.** Vì xu thế hòa bình, hợp tác cùng phát triển.

**Câu 20.** Cho các sự kiện sau

1. Thành lập tổ chức hiệp ước Bắc Đại  Tây Dương (NATO).

2. Thông điệp của tổng thống Truman tại Quốc hội Mĩ.

3. Sự ra đời của kế hoạch Mácsan.

Hãy sắp xếp các sự kiện trên theo trình tự thời gian.

**A.** 1,3,2. **B.** 3, 2, 1. **C.** 2, 3, 1. **D.** 1, 2, 3.

**Câu 21.** Xu hướng hòa hoãn Đông – Tây được bắt đầu bằng

**A.** sự thỏa thuận về việc hạn chế vũ khí chiến lược giữa Liên Xô và Mĩ.

**B.** việc kí kết Định ước Henxinki.

**C.** các cuộc gặp gỡ thương lượng Xô – Mĩ.

**D.** việc kí kết hiệp định về những cơ sở của quan hệ giữa Đông Đức và Tây Đức.

\*\*\*\*\*

**CHƯƠNG VI.         CÁCH MẠNG KHOA HỌC-CÔNG NGHỆ**

**VÀ XU THẾ TOÀN CẦU HÓA**

**Bài 10.**

**CÁCH  MẠNG KHOA HỌC - CÔNG NGHỆ VÀ XU THẾ TOÀN CẦU  HÓA NỬA  SAU THẾ KỶ XX**

**I. Cuộc cách mạng khoa học - công nghệ**

**1. Nguồn gốc và đặc điểm**

- Cuộc cách mạng khoa học – công nghệ khởi đầu từ nước Mĩ, diễn ra từ những năm 40 của thế kỷ XX và kéo dài đến nay.

- Nguồn gốc.

+ Do những đòi hỏi của cuộc sống, của sản xuất nhằm đáp ứng nhu cầu về vật chất và tinh thần ngày càng cao của con người.

+ Sự bùng nổ dân số, sự cạn kiệt tài nguyên thiên nhiên.

- Đặc điểm. Khoa học  trở thành lực lượng sản xuất trực tiếp. mọi phát minh kỹ thuật đều bắt nguồn từ nghiên cứu khoa học. Khoa học gắn liến với kỹ thuật, khoa học đi trước mở đường cho kỹ thuật, kĩ thuật lại đi trước mở đường cho sản xuất. Khoa học là nguồn gốc của những tiến bộ kỹ thuật và công nghệ,

**2. Những thành tựu tiêu biểu. (đọc thêm)**

**II. Xu thế toàn cầu hóa và ảnh hưởng của nó**

- Xu thế toàn cầu hóa xuất hiện từ những năm 80 của thế kỷ XX.

- Toàn cầu hoá là quá trình tăng lên mạnh mẽ những mối liên hệ, những ảnh hưởng tác động, phụ thuộc lẫn nhau của tất cả các khu vực, các quốc gia, dân tộc trên thế giới.

- Những biểu hiện chủ yếu.

+ Sự phát triển nhanh chóng của quan hệ thương mại quốc tế.

+ Sự phát triển và tác động to lớn của các công ty xuyên quốc gia.

+ Sự sáp nhập và hợp nhất các công ty thành những tập đoàn lớn.

+ Sự ra đời của các tổ chức liên kết kinh tế, thương mại, tài chính quốc tế và khu vực (như IMF, EU, NAFTA, APEC...) có vai trò quan trọng trong việc giải quyết những vấn đề kinh tế chung của thế giới và khu vực.

- Tác động.

+ Tích cực. thúc đẩy sự phát triển của lực lượng sản xuất, nền kinh tế tăng trưởng cao...

+ Tiêu cực. làm trầm trọng thêm bất công xã hội và phân hóa giàu nghèo. Nguy cơ đánh mất bản sắc dân tộc và xâm phạm nền độc lập tự chủ của các quốc gia.

 🡪 Toàn cầu hoá vừa là thời cơ, đồng thời cũng là thách thức đối với các nước, đặc biệt là các nước đang phát triển.

**CÂU HỎI TRẮC NGHIỆM**

**Câu 1.** Đặc điểm lớn nhất của cuộc cách mạng khoa học -  kĩ thuật sau Chiến tranh thế giới thứ hai là

**A.** kĩ thuật trở thành lực lượng sản xuất trực tiếp.

**B.** khoa học trở thành lực lượng sản xuất trực tiếp.

**C.** sự bùng nổ của các lĩnh vực khoa học - công nghệ.

**D.** mọi phát minh kĩ thuật đều bắt nguồn từ sản xuất.

**Câu 2.** Để hội nhập với xu thế toàn cầu hóa hiện nay, các quốc gia đều ra sức điều chỉnh chiến lược của mình bằng cách

**A.** lấy chính trị làm trọng điểm. **B.** lấy kinh tế làm trọng điểm.

**C.** lấy quân sự làm trọng điểm. **D.** lấy văn hóa làm trọng điểm.

**Câu 3.** Mặt tích cực của toàn cầu hóa đó là

**A.** thúc đẩy rất mạnh, rất nhanh sự phát triển và xã hội hóa lực lượng sản xuất.

**B.** thúc đẩy rất mạnh, rất nhanh sự phát triển kinh tế, khoa học- kĩ thuật

**C.** thúc đẩy rất mạnh, rất nhanh sự phát triển quân sự.

**D.** thúc đẩy rất mạnh, rất nhanh sự phát triển văn hóa xã hội.

**Câu 4.** Tại sao từ năm 1973 đến nay, cuộc cách mạng khoa học kỹ thuật  là cuộc cách mạng khoa học công nghệ?

**A.** Vì công nghệ trở thành tâm điểm của cách mạng khoa học - kĩ thuật.

**B.** Vì cuộc cách mạng chủ yếu diễn ra trong lĩnh vực công nghệ.

**C.** Vì cách mạng công nghệ trở thành cốt lõi của cách mạng khoa học – kĩ thuật.

**D.** Vì khoa học trở thành nguồn gốc chính của những tiến bộ kĩ thuật và công nghệ.

**Câu 5.** Điểm khác nhau căn bản giữa cuộc cách mạng khoa học kĩ thuật ngày nay với cuộc cách mạng công nghiệp ở thế kỉ XVIII – XIX là gì?

**A.** Mọi phát minh kĩ thuật dựa trên các ngành khoa học cơ bản.

**B.** Mọi phát minh về kĩ thuật dựa trên các nghiên cứu khoa học.

**C.** Mọi phát minh về kĩ thuật bắt nguồn từ thực tiễn kinh nghiệm

**D.** Mọi phát minh kĩ thuật bắt nguồn từ ngành công nghiệp nhẹ.

**Câu 6.** Tác động tích cực của toàn cầu hoá là

**A.** tạo ra nguy cơ đánh mất bản sắc dân tộc và độc lập tự chủ của các quốc gia.

**B.** nâng cao tính cạnh tranh và hiệu quả của nền kinh tế.

**C.** làm trầm trọng thêm bất công xã hội và phân hóa giàu nghèo.

**D.** làm cho mọi mặt của cuộc sống con người kém an toàn.

**Câu 7.** Bản chất của toàn cầu hóa là quá trình

**A.** phát triển của các quốc gia trong  khu vực và quốc tế.

**B.** tan rã của “trật tự hai cực Ianta”.

**C.** xây dựng các mối liên hệ giữa các cường quốc.

**D.** tăng lên mạnh mẽ những mối liên hệ, những ảnh hưởng tác động lẫn nhau của các khu vực, quốc gia, dân tộc.

**Câu 8.** Nội dung nào sau đây **không** phải là biểu hiện của xu thế toàn cầu hoá?

**A.** Sự phát triển nhanh chóng của quan hệ thương mại quốc tế.

**B.** Sự điều chỉnh chiến lược của các quốc gia. lấy phát triển lấy kinh tế làm trọng điểm.

**C.** Sự phát triển và tác động to lớn của các công ti xuyên quốc gia.

**D.** Sự sáp nhập và hợp nhất các công ti thành những tập đoàn lớn.

**Câu 9.** Xu thế toàn cầu hoá trên thế giới là hệ quả của

**A.** sự phát triển quan hệ thương mại quốc tế.

**B.** cuộc cách mạng khoa học – công nghệ.

**C.** sự ra đời của các công ty xuyên quốc gia.

**D.** quá trình thống nhất thị trường thế giới.

**Câu 10.** Để thích nghi với xu thế toàn cầu hóa, Việt Nam phải

**A.** hòa nhập với nền văn hóa thế giới.

**B.** khuyến khích sự đầu tư của nước ngoài.

**C.** nắm bắt thời cơ, vượt qua thách thức.

**D.** tăng cường phát triển nền kinh tế.

**Câu 11.** Hạn chế cơ bản nhất của cuộc cách mạng khoa học kỹ thuật lần II là

**A.** làm cho mọi mặt của cuộc sống con người kém an toàn.

**B.** việc đổi mới về cơ cấu dân cư và chất lượng nguồn nhân lực.

**C.** làm cho môi trường bị ô nhiễm, tai nạn lao động và giao thông, dịch bệnh, chế tạo vũ khí hủy diệt...

**D.** việc làm trầm trọng thêm bất công xã hội và phân hóa giàu nghèo.

\*\*\*\*\*